TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:27/2023/DS-PT
Ngày 29/3/2023
V/v: "Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Quang Đại - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc***: Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:20/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S:

- Ông Vũ Văn D - luật sư (vắng mặt).

- Ông Lương Văn C - luật sư (có mặt).

2.Bị đơn: Cụ Nguyễn Quang P, sinh năm 1938 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc .

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1948 (con của cụ Nguyễn Văn N1 và cụ Lê Thị T) (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

3.2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988 (con ông H) (vắng mặt);

3.3. Cụ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1939 (vợ cụ P) (vắng mặt);

3.4. Chị Vũ Thị T1, sinh năm 1987 (vợ anh D) (vắng mặt);

3.5. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1959 (vợ ông S) ;

3.6. Anh Phan Văn T3, sinh năm 1982 (con trai ông S) ;

3.7. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1984 (con dâu ông S).

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T2, anh Phan Văn T3 và chị Nguyễn Thị C: Ông Phan Văn S.

3.8. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (con cụ P) (vắng mặt);

3.9. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964 (vợ ông H) (vắng mặt);

3.10 Anh Nguyễn Mạnh C1, sinh năm 1985 (con ông H) (vắng mặt);

3.11. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1986 (vợ anh C1) (vắng mặt);

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người kháng cáo: Ông Phan Văn S - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2020 và những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Phan Văn S trình bày: Gia đình ông với gia đình Cụ Nguyễn Quang P, Cụ Nguyễn Thị H1 là hàng xóm giáp đất với nhau. Nguồn gốc đất của gia đình ông và gia đình cụ P đều do cha ông để lại. Đất của ông là do bố mẹ ông cho, đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CP877000 ngày 09/01/2019 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 02609 mang tên ông chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 144, tờ bản đồ số 43, diện tích 538,6m^2(thửa đất số 144). Quá trình sử dụng đất giữa gia đình ông với gia đình cụ P và các hộ liền kề sử dụng ổn định không có tranh chấp. Khoảng tháng 4 năm 2017 gia đình ông xây dựng nhà và các công trình phụ, khi xây dựng đã xây hết phần đất của gia đình ông, móng nhà ông giáp với móng tường bao của gia đình cụ P (Trước đó giữa gia đình ông với gia đình cụ P đã có ranh giới là tường bao của gia đình cụ P), nên ranh giới đất của gia đình ông với gia đình cụ P chính tường bao của gia đình cụ P. Khi gia đình ông làm nhà thì gia đình cụ P không có ý kiến gì.

Khoảng tháng 02 năm 2020 cụ P cho vợ chồng cháu nội là anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Thắm xây công trình sát tường nhà lấn chiếm phần đất của gia đình ông một chiều theo cạnh 4-5 (phần sát móng nhà) (Theo GCNQSDĐ) là 7cm dài 4m, một chiều theo cạnh 3-4 (phần sát công trình phụ) (Theo GCNQSDĐ) là 8cm chiều dài 16m, bắn máng nước lấn sang nhà ông 15cm, diện tích lấn chiếm là 4m^2. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông đã có đơn đề nghị đo đạc, kiểm tra diện tích phần đất bị lấn chiếm và đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ. Ông nhất trí với kết quả kiểm tra của cơ quan đo vẽ ngày 02/3/2022 và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13 tháng 9 năm 2022 đề nghị vợ chồng cụ P, cụ H1 và vợ chồng anh D, chị T1 phải tháo dỡ máng nước và toàn bộ phần tường xây lấn chiếm, trả lại cho gia đình ông phần đất và không gian đã lấn chiếm.

Anh Phan Văn T3 trình bày: Anh thống nhất với lời khai và quan điểm của ông S, ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng.

Bà Nguyễn Thị T2 chị Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai nhất trí với quan điểm của ông S, đều ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng.

Bị đơn là Cụ Nguyễn Quang P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Hiền, chị Vũ Thị T1, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Mạnh C1, chị Nguyễn Thị T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa nên Tòa án không thu thập được chứng cứ đối với những người này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 12 năm 2021 Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là con của cụ Lê Thị T và cụ Nguyễn Văn N1, bố mẹ bà sinh được 4 người con là Nguyễn Văn Phục, Nguyễn Thị Hưng, Nguyễn Thị Nhưng, Nguyễn Thị Nhủ, bà không nhớ năm sinh của bố mẹ và các anh chị em của bà, hiện nay bố mẹ bà đều đã chết, bà cũng không nhớ chết năm nào, bà Hưng và bà Nhủ cũng đã chết. Nguồn gốc thửa đất có tranh chấp với gia đình ông S có nguồn gốc là của bố mẹ bà. Nay bà đã đi lấy chồng nên bà không đòi hỏi gì về đất của bố mẹ bà để lại, cụ P có toàn quyền quyết định. Bà không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án. Bà xin được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa, bà không khiếu nại hay thắc mắc gì về việc Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm: Nhất trí với kết quả kiểm tra của cơ quan đo vẽ và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13 tháng 9 năm 2022, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng cụ P, cụ H1 và vợ chồng anh D, chị T1 phải tháo dỡ máng nước và toàn bộ phần tường xây lấn chiếm, trả lại cho gia đình ông S phần đất và không gian đã lấn chiếm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ các Điều 166; Điều 175; Điều 587 Bộ luật dân sự 2015; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S, xác định:

Bức tường mới xây của vợ chồng anh Nguyễn Văn D và chị Vũ Thị T1 xây trên đất của vợ chồng ông Nguyễn Quang Phục, bà Nguyễn Thị Hiền có lấn sang đất gia đình ông Phan Văn S một chiều CL là 6,5cm, một chiều là IH là 9cm, được giới hạn bởi CLHIC có diện tích 0,55m2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang Phục, bà Nguyễn Thị Hiền và vợ chồng anh Nguyễn Văn D, chị Vũ Thị T1 phải liên đới bồi thường cho ông Phan Văn S trị giá trị giá phần đất

này là 550.000 đồng (Vợ chồng cụ P, bà Hiền phải bồi thường 275.000 đồng, vợ chồng anh D, chị T1 phải bồi thường 275.000 đồng).

Bức tường mới xây của vợ chồng anh Nguyễn Văn D và chị Vũ Thị T1 xây trên đất của vợ chồng ông Nguyễn Quang Phục, bà Nguyễn Thị Hiền có lấn sang đất gia đình ông Phan Văn S, đè lên móng của gia đình ông S chiều rộng là 1,5cm; chiều dài 1,6m được giới hạn bởi NMLCN có diện tích là 0,024m2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang Phục, bà Nguyễn Thị Hiền và vợ chồng anh Nguyễn Văn D, chị Vũ Thị T1 phải tháo dỡ phần tường này trả lại phần móng cho gia đình ông S.

Trên ngôi nhà 2 tầng của vợ chồng anh Nguyễn Văn D và chị Vũ Thị T1 (phía giáp vườn nhà ông S) có lắp 01 máng nước có chiều rộng 15cm chìa sang đất gia đình ông Phan Văn S. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang Phục, bà Nguyễn Thị Hiền và vợ chồng anh Nguyễn Văn D, chị Vũ Thị T1 phải tháo dỡ máng nước này trả lại phần không gian cho gia đình ông S.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 10 năm 2022, ông Phan Văn S kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Phan Văn S và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm, buộc vợ chồng Cụ Nguyễn Quang P Cụ Nguyễn Thị H1 và vợ chồng anh Nguyễn Văn D chị Vũ Thị T1 phải tháo dỡ toàn bộ phần tường xây trên phần đất lấn chiếm không đồng ý thanh toán bằng tiền.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn S; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Phan Văn S trong hạn luật định và ông S thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên cần được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Cụ Nguyễn Quang P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn

Văn D, Cụ Nguyễn Thị H1, chị Vũ Thị T1, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Mạnh C1, chị Nguyễn Thị T3 đều vắng mặt tại phiên tòa. Riêng bà N vắng mặt nhưng có đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét đơn kháng cáo của ông S thấy rằng:

Quá trình thu thập chứng cứ xác định được như sau: Gia đình ông Phan Văn S đang sử dụng thửa đất số 144 đã được cấp GCNQSDĐ số phát hành CP877000, số vào sổ 02609 ngày 09/01/2019 đứng tên ông Phan Văn S. Gia đình cụ P đang sử dụng hai thửa đất gồm: thửa 149, tờ bản đồ số 05 diện tích 144m^2 (thửa đất số 149) đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên cụ Nguyễn Thị T2c (Lê Thị T ghi nhầm là Nguyễn Thị T2c là mẹ đẻ cụ P (bố mẹ cụ P đều đã chết) và thửa 149 tờ bản đồ số 05 có diện tích 328m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Văn Phục, hai thửa đất này giáp nhau và đều do gia đình cụ P đang quản lý. Thửa đất của gia đình ông S có hai chiều giáp với đất của gia đình cụ P. Hai gia đình đã có thời gian dài sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 2017 gia đình ông S xây dựng các công trình trên phần đất của gia đình mình, thời gian này ngăn cách giữa đất của hai gia đình là bức tường bao của gia đình cụ P xây.

Đến khoảng tháng 02 năm 2020 vợ chồng anh D, chị T1 xây công trình tường bao mới và nhà ở trên đất thì hai bên đã xảy ra tranh chấp.Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Kết quả xem xét tại chỗ và đo đạc xác định được phần móng của bức tường cũ của gia đình cụ P là ranh giới giữa hai gia đình vẫn còn, hiện nay anh D, chị T1 đã xây tường bao mới có phần đè lên phần móng cũ. Các phần đất tiếp giáp đã xây tường bao loan mới đang có tranh chấp gồm:

- Một phần tiếp giáp phía đầu đốc nhà ông S, bức tường xây đè lên móng cũ và lấn sang đất của gia đình nhà ông S chiều rộng là 1,5cm; chiều dài 1,6m, diện tích lấn chiếm là 0,024m^2, (được mô tả trong biên bản đo hiện trạng thửa đất đang tranh chấp có các chiều cạnh là NMLCN). Xét thấy, phần đất lấn chiếm này gây ảnh hưởng đến việc sử dụng ổn định ngôi nhà của gia đình ông S nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng Cụ Nguyễn Quang P, Cụ Nguyễn Thị H1 và vợ chồng anh Nguyễn Văn D, chị Vũ Thị T1 phải tháo dỡ phần tường đã xây để trả lại phần đất có diện tích là 0,024m^2 cho gia đình ông S là có căn cứ.

- Một phần tiếp giáp sân gạch của gia đình ông S tường xây đè lên móng cũ của gia đình cụ P có lấn sang đất gia đình ông S một chiều là 6,5cm, một chiều là là 9cm, diện tích lấn chiếm là 0,55m^2. Do vậy, có cơ sở khẳng định gia đình cụ P đã lấn chiếm của gia đình ông S phần đất có diện tích 0,55m^2 (được mô tả trong biên bản đo hiện trạng thửa đất đang tranh chấp có các chiều cạnh là CLHIC). Tuy nhiên xét thấy phần lấn chiếm này có kích thước và diện tích nhỏ,

mặt khác gia đình cụ P đã xây tường 10cm bằng gạch chỉ nung kiên cố cao 2,6m, việc xây dựng không làm ảnh hưởng nhiều đến việc sử dụng sân của gia đình ông S. Vì vậy, không nhất thiết phải buộc gia đình cụ P tháo dỡ mà cần giữ nguyên hiện trạng, và bồi thường trị giá đất cho ông S và gia đình. Do công trình là của vợ chồng anh D, chị T1 làm trên đất của cụ P, cụ H1 nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng Cụ Nguyễn Quang P, bà Nguyễn Thị Hiền và vợ chồng anh Nguyễn Văn D, chị Vũ Thị T1 phải liên đới bồi thường cho ông S phần đất này có trị giá 0,55m^2 x 1.000.000 đồng/m^2 bằng 550.000 đồng, kỉ phần của vợ chồng cụ P là 275.000 đồng, kỉ phần của vợ chồng anh D, chị T1 là 275.000 đồng là phù hợp.

-Một phần tiếp giáp phía vườn nhà ông S một chiều thiếu 0,04m, một chiều thiếu 0,08m, diện tích 0,5m^2. Tường xây bằng gạch đất nung có chiều cao 2,6m, không có chân móng, tường này xây trùng lên móng cũ ngăn cách thửa đất của hai gia đình (về phía góc tiếp giáp bức tường phía trên), còn phía tiếp giáp nhà Thành, Chấn thì không kiểm tra được do không còn móng cũ. Về phía ông S thừa nhận ranh giới giữa hai gia đình là móng cũ của gia đình cụ P, nên mặc dù qua đo đạc kiểm tra đất của gia đình ông S thiếu so với kích thước của GCNQSDĐ nhưng không đáng kể, việc thiếu này có thể sai số do đo đạc. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có cơ sở về việc gia đình cụ P lấn chiếm đất theo chiều này của gia đình ông S và không buộc tháo dỡ đối với bức tường ở vị trí đất này là phù hợp.

- Máng nước lắp trên phần giáp mái tầng hai ngôi nhà hai tầng anh D chị T1 xây chìa sang khoảng không thuộc quyền sử dụng của gia đình ông S có chiều rộng 0,015m (phía giáp vườn của gia đình ông S) chìa sang phần đất gia đình ông S, nên cần Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh D, chị T1, cụ P, cụ H1 phải tháo dỡ máng nước này trả lại phần không gian cho gia đình ông S là có căn cứ.

[2]. Như vậy, cấp sơ thẩm giải quyết và quyết định các nội dung phù hợp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần giữ nguyên án sơ thẩm. Kháng cáo của ông S không được chấp nhận. Tuy nhiên, do cách tuyên của bản án sơ thẩm chưa phù hợp nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp.

[3]. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng là 4.400.000đ. Nguyên đơn đã nộp số tiền này nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu chi phí này là có căn cứ.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí nhưng bị đơn là người cao tuổi nên cấp sơ thẩm đã miễn án phí cho bị đơn là phù hợp.

[5].Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông S không có căn cứ chấp nhận nên phải chịu án phí. Tuy nhiên, ông S là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên cần miễn án phí cho ông S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng Khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn S; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số:20/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể như sau:

Áp dụng các Điều 166; Điều 175; Điều 587 Bộ luật dân sự 2015; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S:

1.1. Buộc vợ chồng Cụ Nguyễn Quang P, Cụ Nguyễn Thị H1 và vợ chồng anh Nguyễn Văn D, chị Vũ Thị T1 phải tháo dỡ bức tường mới xây (vị trí giáp đầu đốc nhà ông S) có chiều rộng là 1,5cm; chiều dài 1,6m được giới hạn bởi NMLCN có diện tích là 0,024m^2 để trả lại phần đất cho gia đình ông S.

1.2.Buộc vợ chồng Cụ Nguyễn Quang P, Cụ Nguyễn Thị H1 và vợ chồng anh Nguyễn Văn D, chị Vũ Thị T1 phải liên đới bồi thường cho gia đình ông Phan Văn S trị giá diện tích đất 0,55m^2 là 550.000 đồng. Kỷ phần của cụ P, cụ H1 275.000đồng; kỉ phần của anh D, chị T1 275.000 đồng.

Kể từ ngày ông Phan Văn S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu vợ chồng Cụ Nguyễn Quang P, Cụ Nguyễn Thị H1 và vợ chồng anh Nguyễn Văn D, chị Vũ Thị T1 không trả khoản tiền trên cho gia đình ông S thì vợ chồng cụ P, cụ H1 và vợ chồng anh D, chị T1 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3.Buộc vợ chồng Cụ Nguyễn Quang P, Cụ Nguyễn Thị H1 và vợ chồng anh Nguyễn Văn D, chị Vũ Thị T1 phải tháo dỡ máng nước ở vị trí của ngôi nhà 2 tầng (phía giáp vườn nhà ông S) có chiều rộng 15cm chìa sang đất gia đình ông Phan Văn S để trả lại phần không gian cho gia đình ông S.

(Kèm theo bản án là sơ đồ hiện trạng)

2.Về chi phí tố tụng: Cụ Nguyễn Quang P phải hoàn trả ông Phan Văn S chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ là 4.400.000đồng *(Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).*

3.Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Cụ Nguyễn Quang P.

-Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phan Văn S.

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Ngọc